

# MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ II - MÔN SINH HỌC 10

NĂM HỌC: 2021 - 2022

| STT       | NỘI DUNG KIẾN THỨC                             | CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC |           |            |           |            |           |              |           | Tổng số câu | Tổng thời gian | Tỉ lệ % |
|-----------|------------------------------------------------|-------------------------------|-----------|------------|-----------|------------|-----------|--------------|-----------|-------------|----------------|---------|
|           |                                                | NHẬN BIẾT                     |           | THÔNG HIỂU |           | VẬN DỤNG   |           | VẬN DỤNG CAO |           |             |                |         |
|           |                                                | Số câu hỏi                    | Thời gian | Số câu hỏi | Thời gian | Số câu hỏi | Thời gian | Số câu hỏi   | Thời gian |             |                |         |
| 1         | Hô hấp tế bào và Quang hợp                     | 2                             | 2         | 2          | 3         | -          | -         | -            | -         | 4           | 5              | 10%     |
| 2         | Phân bào                                       | 6                             | 5         | 4          | 4         | 1          | 2         | 1            | 3         | 12          | 14             | 30%     |
| 3         | Dinh dưỡng, chuyển hóa VC và sinh trưởng ở VSV | 6                             | 5         | 5          | 5         | -          | -         | -            | -         | 11          | 10             | 27.5%   |
| 4         | Các yếu tố ảnh hưởng sinh trưởng VSV           | 4                             | 4         | 2          | 2         | 1          | 2         | 1            | 3         | 8           | 11             | 20%     |
| 5         | Virut và sự nhân lên của virut                 | 2                             | 2         | 3          | 3         | -          | -         | -            | -         | 5           | 5              | 12.5%   |
| Tổng      |                                                | 20                            | 18        | 16         | 17        | 2          | 4         | 2            | 6         | 40          | 45             | 100%    |
| Tỉ lệ     |                                                | 50%                           |           | 40%        |           | 0.5%       |           | 0.5%         |           |             |                | 100%    |
| Tổng điểm |                                                | 5.0                           |           | 4.0        |           | 0.5        |           | 0.5          |           |             |                | 10      |